

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thuận.
2. Ông Đào Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1973 (Có mặt).

Trú tại: Xóm T1, thôn X, xã B, huyện T, Bình Định.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Phi Y, sinh năm 1973 (Vắng mặt lần 02 không lý do)

Trú tại: Xóm T1, thôn X, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đặng Văn N bày:

Ông và bà Hồ Thị Phi Y tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào tháng 4/1992 âm lịch. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 30/10/2002.

Sau khi cưới ông và bà Y sống hạnh phúc được hơn 25 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về chuyện làm ăn, không tin tưởng trong việc chi tiêu, quản lý tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi, xúc phạm nhau. Sự việc không được giải quyết nên ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10/2017 thì ông và bà Y cắt đứt quan hệ phân ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, ông yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị Phi Y.

Về con chung: Ông và bà Hồ Thị Phi Y có hai con chung là Đặng Thị Thúy Q, sinh năm 1992 và Đặng Đức H, sinh năm 1996. Hai con đã thành niên đã trưởng thành, có việc làm, tự nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết (ông đã rút yêu cầu về phần tài sản chung).

Việc bà Y nài ra vợ chồng có số tiền đất sét bán cho công ty TNHH Vật liệu Xây dựng T2 với số tiền là 2.341.200.000đ nhưng bà Y là người nhận tiền, chi tiêu cho gia đình. Nên ông không đồng ý thôi lại cho bà Y ½ số tiền trên.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị Phi Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà thống nhất với ông N trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 25 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do ông Đặng Văn N ngoại tình nhưng không có chứng cứ gì chứng minh; bà đã khuyên răn nhiều lần nhưng ông N vẫn chứng nào tật ấy. Buồn chán nên bà có tâm sự chuyện gia đình với một người đàn ông khác (chỉ là bạn bè bình thường). Cùng thời điểm trên vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Tuy nhiên bà nhận thấy vẫn còn yêu thương chồng con, ông N yêu cầu ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Đặng Thị Thúy Q, sinh năm 1992 và Đặng Đức H, sinh năm 1996. Hai con đã thành niên đã trưởng thành, có việc làm tự nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: phần vốn góp vào công ty TNHH Vật liệu Xây dựng T2 vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Ngoài ra bà Y còn nài ra vợ chồng có tài sản chung là số tiền đất sét mà vợ chồng bán cho công ty TNHH Vật liệu Xây dựng T2 từ năm 2015 đến năm 2017 do ông N nhận từ công ty có giấy xác nhận của đốc công ty nhưng ông N đã chi tiêu cho cá nhân ông N. Cụ thể số tiền như sau:

- + Số nợ cũ năm 2014 chuyển sang là 1.509.600.000đ
- + Chở mới 279.000.000đ
- + Chở mới 393.300.000đ
- + Chở mới 410.400.000đ

Tổng công ty nợ đến 17/5/2017 là 2.341.200.000đ.

Bà yêu cầu ông N thôi lại cho bà ½ số tiền trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 192, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Ông Đặng Văn N được ly hôn bà Hồ Thị Phi Y. Bác yêu cầu không đồng ý ly hôn của bà Y. Về con chung:

hai con chung là Đặng Thị Thúy Q, sinh năm 1992 và Đặng Đức H, sinh năm 1996 - đều đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Về tài sản chung: Miễn xét vì: ông N không yêu cầu; bà Y không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn. Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Hồ Thị Phi Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn N và bà Hồ Thị Phi Y tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ tháng 4/1992 âm lịch. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 30/10/2002 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống; mặc dù đã cho nhau cơ hội để cải sửa tính tình nhưng tình trạng không chuyển biến làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, phân ai nấy sống từ tháng 10/2017 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông N yêu cầu ly hôn với bà Y là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng bà Y vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; ông N vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên việc bà Y không đồng ý ly hôn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Đặng Văn N và bà Hồ Thị Phi Y có hai con chung là Đặng Thị Thúy Q, sinh năm 1992 và Đặng Đức H, sinh năm 1996. Hai con đều đã thành niên, có việc làm, thu nhập riêng không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Đặng Văn N đã rút toàn bộ yêu cầu về phân chia tài sản chung nghị nên miễn xét.

Đối với yêu cầu của bà Hồ Thị Phi Y nại ra ông N đang cất giữ số tiền 2.341.200.000đ từ việc vợ chồng bán đất sét cho công ty TNHH Vật liệu Xây dựng từ năm 2015 đến năm 2017. Tòa án đã thông báo yêu cầu bà Hồ Thị Phi Y nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn nhưng bà Y không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX

không xét yêu cầu trên của bà Y trong vụ án này. Bà Y, ông N có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc ông Đặng Văn N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009291 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; ông N đã nộp đủ án phí.

Về án phí chia tài sản chung: Vì ông N đã rút yêu cầu về phần tài sản chung nghị nên hoàn trả lại cho ông Đặng Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số 0006608 ngày 09/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm d Khoản 1 Điều 192; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N; Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đặng Văn N được ly hôn bà Hồ Thị Phi Y. Bà Y yêu cầu không đồng ý ly hôn của bà Y vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông Đặng Văn N và bà Hồ Thị Phi Y có hai con chung là Đặng Thị Thúy Q, sinh năm 1992 và Đặng Đức H, sinh năm 1996 - đều đã trưởng thành, có việc làm tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Miễn xét.

Bà Hồ Thị Phi Y, ông Đặng Văn N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung bằng một vụ án khác theo thủ tục chung.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Ông Đặng Văn N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0009291 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; ông Đặng Văn N đã nộp đủ án phí.

- *Án phí chia tài sản chung:* Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn N số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp trước là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số 0006608 ngày 09/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

3/ Ông Đặng Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Hồ Thị Phi Y vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Giang Nam